

## Đặt vấn đề

Đường quản lý là phương thức hiện tại được tiếp cận trong quản lý tài sản chung như mặt hồ sinh thái, tài nguyên, môi trường, tuy nhiên thông thường đi liền với các tài sản chung này là các công đường ngòi, lao động hoặc là sinh kế thường ngày hoặc là các liên quan khác như quản lý, bảo vệ, bảo tồn. Trong hiện trạng này, các phân tích được tiếp cận theo hướng tài sản thường gọi là 3 nhóm chính là tài sản cá nhân, tài sản nhóm và tài sản công cộng, được gộp chung thành tài sản công đường. Mô hình mô hình đường quản lý này và quản lý nhà nước thực tế là trên cơ sở hoàn toàn tài sản công cộng, cái khác thì ngược lại tài sản cá nhân thường gộp các quản lý doanh nghiệp, còn số khác thì quan tâm đến tài sản nhóm, hợp tác, nhưng chủ động là phân lợi ích và trách nhiệm chung. Tìm hiểu mô hình hài hòa các mối quan hệ giữa bảo tồn đa dạng sinh học, cải thiện sinh kế và phát triển kinh tế xã hội là một nhu cầu cấp thiết hiện nay và trong tương lai. Mô hình đường quản lý lợi ích được lên một giai đoạn phát triển mới, một hợp tác giữa các thành phần liên quan cần được xây dựng, nâng lên công đường được cũng và tăng cường, kinh tế chủ động được cải thiện, quản lý hợp tác được áp dụng, cần được nhân rộng và tạo điều kiện để các địa phương mới trong vùng, các cơ sở đào tạo, các khu bảo tồn học tập.

## Tổng quan

Câu chuyện được đúc kết quá trình xây dựng và phát triển khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm, một thời gian dài chủ yếu tiếp thu học tập đường sản xuất tài nguyên và môi trường từ địa phương; tiếp cận với thực tiễn khai thác và sản xuất vào những năm 1990 và 2000, nguồn lợi tài nguyên và môi trường bị hạn chế do tác động khai thác, đi lên kèm với nhu cầu, trong những vùng gần biển, cửa sông và ao hồ. Sự tồn tại thường xuyên được nhận ra rằng, việc khai thác và sản xuất không hợp lý với chức năng và dịch vụ của hệ sinh thái, vì vậy, một số điều chỉnh cách áp dụng nguyên tắc quản lý khu bảo tồn biển, có nghĩa là khai thác theo mùa, theo vùng, và theo kích thước. Từ đó đi kèm với kiểm soát các nguồn ô nhiễm môi trường. Một số các hoạt động khai thác phù hợp được nghiên cứu áp dụng đồng thời các hình thức kinh tế mới cũng được tăng cường nghiên cứu ứng dụng, và kinh tế du lịch ra đời. Để tiếp quản với những thực cũng như khả năng mới, sự tiếp nhận tri thức, công nghệ, khoa học kỹ thuật được tăng cường cho công đường ngòi dân địa phương, nhằm nâng cao năng lực, giúp người lao động trực tiếp có thể tiếp nhận quản lý và phát huy tốt giá trị của các hệ sinh thái. Phương thức đường quản lý được áp dụng nhằm hài hòa lợi ích và trách nhiệm giữa nhà nước, công đường ngòi dân địa phương và nhà khoa học ra đời, đáp ứng được tiến bộ phát triển kinh tế xã hội trên cơ sở bảo tồn nguồn lợi tài nguyên thiên nhiên và môi trường. Song cùng với bảo tồn tài nguyên và môi trường, nhu cầu di sản văn hóa cũng như thiên nhiên được công nhận, du lịch phát triển, sinh kế người dân được cải thiện, tuy nhiên cũng chính theo thời gian dần trôi, kinh tế phát triển, thì bản được tích lũy,

nhằm ưu tiên doanh nghiệp ra đời theo nhu cầu được đầu tư, và quản lý hiệu quả. Sự tiếp nhận doanh nghiệp hay nói cách khác là hình thức tiếp thị phát triển nhanh, mạnh, nhưng bền vững đôi lúc đôi khi chỉ là để chờ đợi cơ hội tiếp thị. Sự tồn tại của doanh nghiệp phụ thuộc vào sinh thái, tài nguyên, ô nhiễm môi trường ngày càng nghiêm trọng, đã và đang mang đến những áp lực, thách thức mới cho phát triển kinh tế xã hội. Vì vậy nghiên cứu tiếp trung vào các bài học kinh nghiệm quốc tế và Việt Nam về tiếp thị giữa cộng đồng và thiên nhiên mà cốt lõi là giữa bảo tồn và sinh kế của người dân địa phương và phát triển kinh tế xã hội, đúc kết các mô hình quản lý cũng như các kiến nghị phát triển chính sách về quản lý là cần thiết. Nghiên cứu được triển khai theo hình thức (1) Tiếp cận phát triển cộng đồng dựa vào nguồn lực địa phương ABCD (asset based community development); phân tích hiện trạng quản lý di sản theo khung định lượng, áp lực, hiện trạng, tác động, đáp ứng DPSIR (drivers, pressures, state, impact, responses); nguyên tắc cốt lõi, lồng ghép hóa, khế ước, hợp lý, thời gian SMART (specific, measurable, attainable, reasonable, time), phân tích mạnh mẽ, yếu tố, cơ hội và thách thức SWOT (strengths, weaknesses, opportunities, threats) để xác định định hướng; (2) Kết quả nguồn tài liệu thu thập, và làm việc nhóm; (3) Thực địa theo tour với phỏng vấn, quan sát, ghi chép, thảo luận, trình bày theo hình thức giấy A0, bút màu, ghi âm, ghi hình; (4) Tham quan học tập các khu bảo tồn, bảo vệ, phát triển cộng đồng định hướng và du lịch cộng đồng và quốc tế; và (5) Hội thảo.

## Mục tiêu

(1) Đúc kết các bài học về quản lý trong và ngoài nước thông qua tham quan học tập tại các khu bảo tồn, bảo vệ và phát triển cộng đồng.

(2) Xây dựng mô hình định lượng về quản lý hệ sinh thái biển đảo, hệ sinh thái vùng cửa sông, và quản lý rác thải sinh hoạt theo hình thức không rác thải để tiếp thị và tiếp thị hợp nghiên cứu Khu Dự trữ Sinh quyển Thế giới Cù Lao Chàm – Hòn An (DTSQ).

(3) Khuyến khích phát triển chính sách về quản lý tài nguyên môi trường.

## Kết quả đạt được

(1) Đếm và tài sản cộng đồng định hướng trong đó có tài sản cá nhân, tài sản nhóm, tài sản công cộng, quản lý theo phương thức cộng đồng định hướng hay là quản lý luôn luôn là một nhu cầu tiếp thị. Tuy nhiên tùy theo năng lực cộng đồng định hướng tiếp nhận theo thời gian mà phương thức định hướng quản lý

đó chuy n đ n t Nhà n c, t nhân ho c theo h ng h p tác, v i c ch phân chia l i ích, trách nhi m đ c rõ ràng và h ng đ n công b ng.

(2) H ng c p nh t đ ng qu n lý cho đ i t ng đ c c ng đ ng xác đ nh là trách nhi m và l i ích chung c n đ c ti p c n theo h ng qu n lý t ng h p / tr ng h p nghiên c u đ ng qu n lý rác th i sinh ho t theo h ng không rác th i nh a đ i đ ng v i mô hình qu n lý rác th i sinh ho t t i thành ph H i An.

(3) H ng c p nh t đ ng qu n lý theo mô hình h p tác và nâng cao năng l c c ng đ ng nh m m r ng ph m vi và liên k t h sinh thái / tr ng h p nghiên c u đ ng qu n lý h sinh thái r ng đ a n c C m Thanh, vùng c a sông Thu B n, H i An.

(4) H ng c p nh t đ ng qu n lý theo mô hình ti u khu b o t n bi n, m t mô hình đ ng qu n lý đ c ch đ ng chia s t nhà qu n lý trong tu n tra, giám sát ch t l ng h sinh thái r n san hô đ n sinh k c ng đ ng c n g n k t nhu c u phát tri n kinh t xã h i t i đ a ph ng / tr ng h p nghiên c u Đ ng qu n lý h sinh thái bi n đ o Cù Lao Chàm.

(5) Các khu n ngh chính sách v quy ho ch phân vùng ch c năng s đ ng tài nguyên môi tr ng, năng l c tham gia c a c ng đ ng, c ch chia s l i ích, trách nhi m, qu n lý t ng h p và ho t đ ng đ i u ph i.

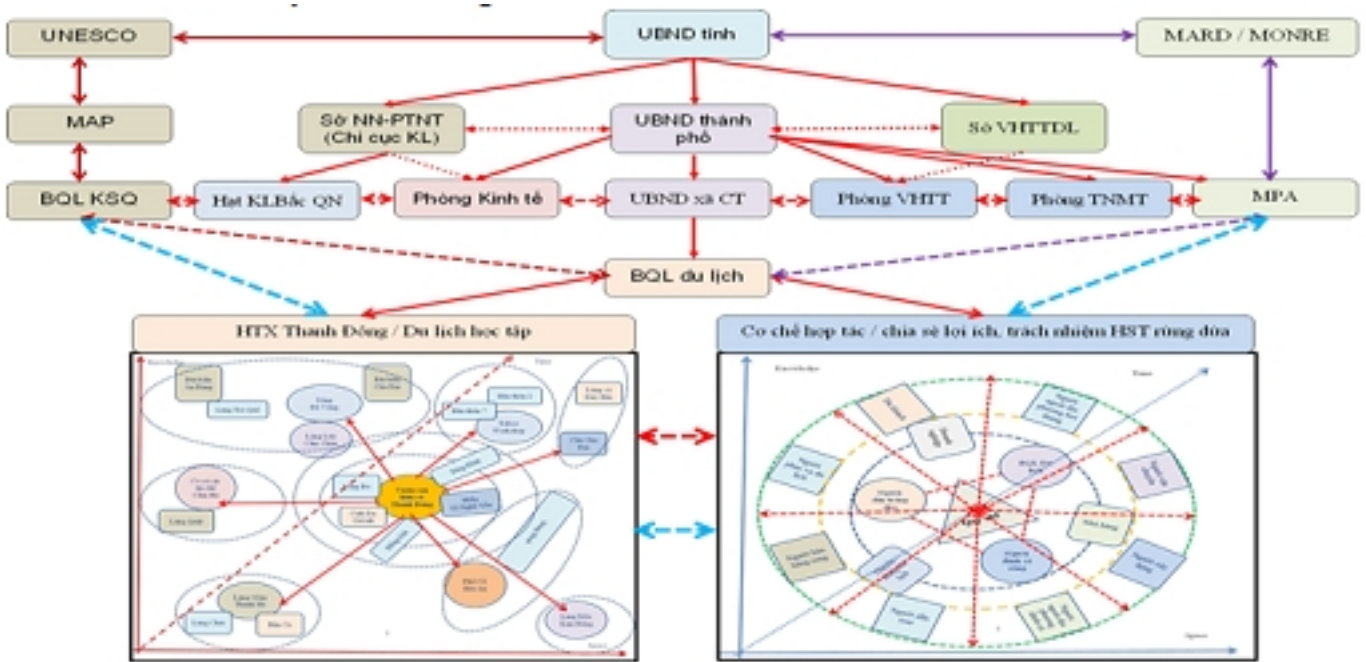
(6) Hi u qu mang l i theo ti p c n đ ng qu n lý v kinh t , xã h i, môi tr ng v i các ví d t h sinh thái bi n Cù Lao Chàm, h sinh thái r ng ng p m n và vùng c a sông Thu B n, H i An và qu n lý rác th i sinh th i t i Khu DTSQ.

## **Bài h c kinh nghi m**

**1) Đề ng qu n lý là công c hài hòa đ c các m i quan h b o t n đa đ ng sinh h c, c i thi n sinh k và phát tri n kinh t xã h i.**

Mô hình tổng hợp đáp ứng đồng các nhu cầu phát triển kinh tế xanh trên nền tảng bảo tồn và công nghệ sinh học tại địa phương hình thành. Mô hình tổng hợp được đúc kết và được mô phỏng theo hình 1&2, trong đó với mô hình quản lý Nhà nước công nghệ sinh thái bền vững và ven biển được quản lý bởi luật, nghị định và các thông tư, hướng dẫn và quy chế cấp tỉnh, thành phố, địa phương và kinh tế thị trường địa phương là sự kết nối với tổ chức khoa học kỹ thuật Quốc tế, Việt Nam, tỉnh, thành, địa phương và kinh tế thị trường địa phương là sự kết nối với UNESCO, Bộ, Ngành, Cơ quan Nghiên cứu Khoa học, Trường Đại học, Bảo tồn được thực hiện và giám sát để tiến hành nghiên cứu, công nghệ. Phần được lồng ghép cho sự quản lý bảo vệ, bảo tồn và phát triển lâu bền là nội dung công nghệ được nghiên cứu liên kết và hợp tác, chia sẻ lợi ích và trách nhiệm đối với các hình thức hợp tác xã, hoặc theo cách hợp tác chia sẻ lợi ích và trách nhiệm giữa các bên liên quan theo tổ chức ban quản lý.

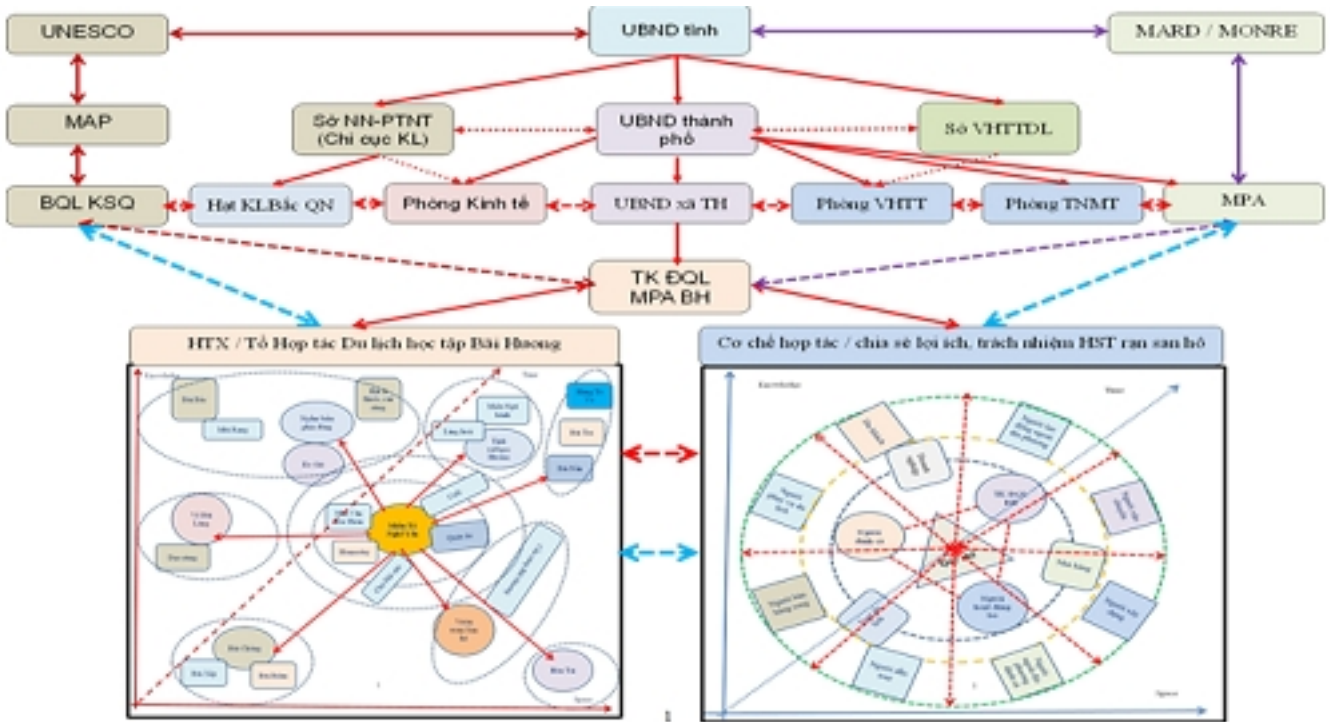
**a. Mô hình phát triển du lịch sinh thái dựa vào bảo tồn đa dạng sinh học (ĐDSH) tại xã Cẩm Thanh, Hội An, Quảng Nam**



Hình 1: Mô hình nghiên cứu tổng hợp giao quy mô quản lý hệ sinh thái rừng dựa vào công nghệ sinh học tại xã Cẩm Thanh[3].

**b. Mô hình quản lý và phục hồi rạn san hô với sự tham gia của cộng đồng và doanh nghiệp**

ngi p t i Khu B o t n Bi n Cù Lao Chàm.

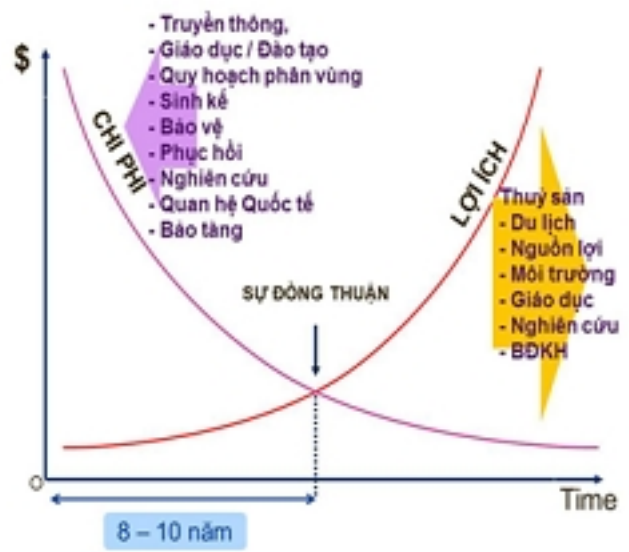
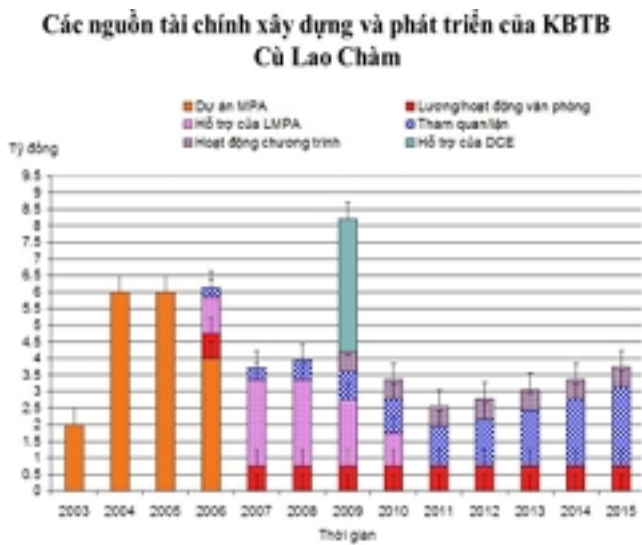


Hình 2: Mô hình nghiên cứu t ng th đ ng qu n lý h sinh thái r n san hô t i Bãi H ng[3]

Mô hình m ra m t khái ni m m i giúp cho khu b o t n bi n Cù Lao Chàm và khu d tr sinh quy n Cù Lao Chàm – H i An đón nh n đ c thách th c m i t nhu c u gia tăng du l ch t i đ a ph ng và đ ngh k t n i tuy n du l ch gi a Đà N ng và Cù Lao Chàm, H i An, trên c s t i p c n h th ng. Mô hình ki n ngh các gi i pháp nh m tăng c ng nâng cao năng l c c ng đ ng, trong đó có qu n tr và qu n lý b o t n bi n và sinh quy n nh m tăng c ng tính thích ng c a b o t n, và c ng đ ng đ a ph ng, theo nh ng chuy n bi n và thay đ i m i. Khung nhu c u năng l c c a nhân viên ban đ i u ph i b o t n và khung xác đ nh vai trò ch th c a ng i dân đ a ph ng trong khu b o t n và sinh quy n. Mô hình đ c xây đ ng đ m b o đ c huy đ ng đ c ngu n l c đ a ph ng trên c s tài s n c ng đ ng, tranh th h tr qu c t , k t n i đ c đ u t bên ngoài m t cách h p lý và hi u qu .

Quá trình đ u t xây đ ng vùng lõi Khu DTSQ đ c b t đ u t 10/2003 đ n 10/2011 v i ngu n v n đ u t 2,5 tri u đô (t ng đ ng kho ng 50 t đ ng) [6] t chính ph Đan M ch và s h tr t các c quan liên quan c a Vi t Nam. T n 2011, h o t đ ng du l ch đã b t đ u có s

đóng góp trực tiếp cho Khu DTSQ thông qua vé tham quan. Trong những năm gần đây, vé tham quan vùng lõi Khu DTSQ đã được chấp thuận ở mức 70.000 đồng/người và vùng đệm 30.000 đồng/người. Số lượng khách trung bình khoảng 500.000 lượt khách/năm tại vùng lõi và 700.000 lượt khách/năm tại vùng đệm [8], [1] đã thu được một nguồn kinh phí đáng kể cho việc tái đầu tư trực tiếp cho các hệ sinh thái của khu vực.

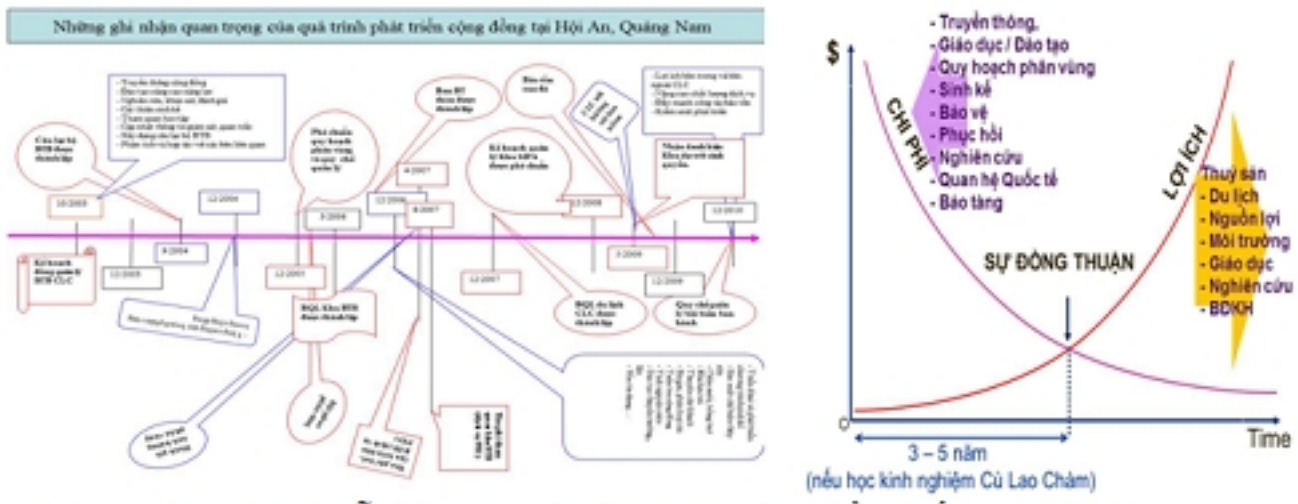


Hình 3: Phân tích chi phí và lợi ích quá trình phát triển vùng lõi Khu DTSQ[6].

Nhìn chung, phân tích chi phí và lợi ích từ các khu bảo tồn thiên nhiên giúp ích cho thấy việc đầu tư ban đầu để đạt được các số đồng thuận cao trong công đồng thiên nhiên kéo dài từ 8 đến 10 năm, đối với vùng lõi Khu DTSQ cũng vậy, thời gian đầu tư để có tính toán những ngày đầu cho đến khi được đồng thuận cao và nguồn thu từ du lịch một cách đáng kể để có tính toán công đồng đến hơn 11 năm [7]. Việc xây dựng và hoàn thiện các kỹ năng đi đầu phù hợp với việc tiếp nhận những kiến thức để trở thành thành viên đồng thuận và thực hiện được hành động để có tính toán từ 8 đến 10 năm, tuy nhiên các khu bảo tồn khác ngày nay, có thể rút ngắn được quãng thời gian này theo tiếp cận kinh nghiệm đi đầu phù hợp Khu DTSQ.

Đảm bảo thời gian để đạt được số đồng thuận bảo tồn, nếu bắt đầu từ kinh nghiệm Khu DTSQ sẽ

đồ án rút ngắn còn lại từ 3 đến 5 năm [6]. Câu hỏi đặt ra là tại sao, nếu học tập kinh nghiệm Khu DTSEQ thì thời gian đào tạo ngắn cho bộ o t n đồ án rút ngắn còn lại từ 3 đến 5 năm. Thực ra trong quá trình xây dựng và phát triển vùng lõi Khu DTSEQ, thời gian tìm kiếm, nghiên cứu cho các phương pháp tiếp cận, giáo dục, truyền thông công đồng ngắn rất dài, chiếm hơn 1/3 đến 1/2 tổng số thời gian để đồ án ngắn thu được cao tại đây [9]. Vì vậy, học tập Khu DTSEQ là học tập các phương pháp tiếp cận, các kỹ năng thực tiễn trong công tác công đồng ngắn. Đồ án thí nghiệm Khu DTSEQ đã và đang là hình ảnh minh họa cho việc đào tạo các nguồn lực này đến các khu bộ o t n mới tại địa phương và khu vực. Một vài khu bộ o t n mới như Khu Bộ o t n Đèo Bé, Lý Sơn, Quảng Ngãi cũng đang trong quá trình tiếp cận theo hướng Khu DTSEQ [10].



Hình 4: Phân tích chuỗi thời gian xây dựng năng lực đi vào quản lý [6].

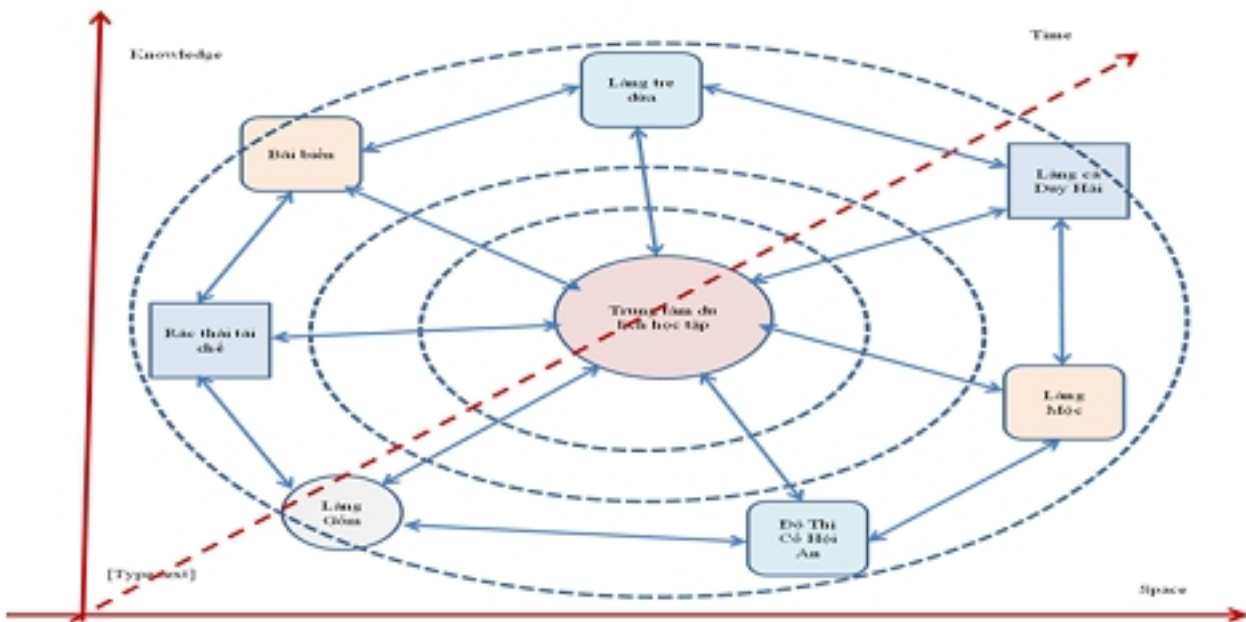
## 2) Đồ án quản lý hỗ trợ nâng cao năng lực công đồng ngắn - Mô hình du lịch học tập tại Cù Lao Thanh và Bãi Hòn Ng Cù Lao Chàm

Các liên kết nghiên cứu, đào tạo và hình thành các tour học tập tại Khu DTSEQ là những hoạt động thực tiễn rất thiết thực nhằm hỗ trợ hoàn thành đồ án nhiệm vụ với chức năng là đóng góp chia sẻ trách nhiệm giáo dục, một khác hỗ trợ cho việc nâng cao chất lượng sống phẩm chất công đồng ngắn sinh sống trong và chung quanh khu bộ o t n. Một số nội dung, Khu DTSEQ đã và đang thực



thành một đội hình không chỉ có những người cùng liên kết với các cơ sở giáo dục đào tạo trong và ngoài nước mà còn có các chuyên gia giáo dục đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ và phát triển. Ngoài ra các Khu DTSSQ còn là môi trường học tập sinh động nhằm tạo cơ hội cho các địa phương khác tiếp cận và xây dựng phát triển báo chí của mình. Các tour tham quan học tập công nghệ Sa Huỳnh, Quảng Ngãi, đội hình trong nước và quốc tế được phân loại theo thời gian nghiên cứu, nội dung học tập, cũng như các công nghệ. Mô hình được xây dựng tạo điều kiện đóng góp vào giáo dục công nghệ, nâng cao năng lực của người dân địa phương và kết nối với hệ thống đào tạo, nghiên cứu khoa học chung nhằm nâng cao chất lượng báo chí, dịch vụ sinh thái, và sản phẩm dịch vụ, phục vụ công nghệ sinh học và phát triển kinh tế xã hội địa phương.

Du lịch học tập báo chí được tiến hành với các nhóm sinh viên, tình nguyện viên nghiên cứu, trong và ngoài nước đến thăm các lớp học được tổ chức rất chi tiết cho công nghệ người dân địa phương và khách mời, chi tính trong năm qua và 5 tháng đầu năm 2019, có hàng chục đoàn công tác đến du lịch học tập tại Cẩm Thanh, Hội An và các vùng phụ cận với khoảng 1.000 người, thêm vào đó cũng khoảng hơn 1.200 sinh viên từ các trường đại học Việt Nam và Quốc tế và hàng ngàn du khách tham gia xuyên qua các công ty lữ hành [11], [12]. Năm 2018, tổng thu 786.000.000 đồng, trong đó thuế: 456.000.000 đồng, còn lại là du lịch bao gồm tham quan, học tập và thuyến thú. Năm tháng đầu năm 2019, tổng thu 458.000.000 đồng, trong đó thuế: 320.000.000 đồng, còn lại là du lịch bao gồm tham quan, học tập và thuyến thú [4].



Hình 5: Trung tâm du lịch học tập tại Cẩm Thanh [3]

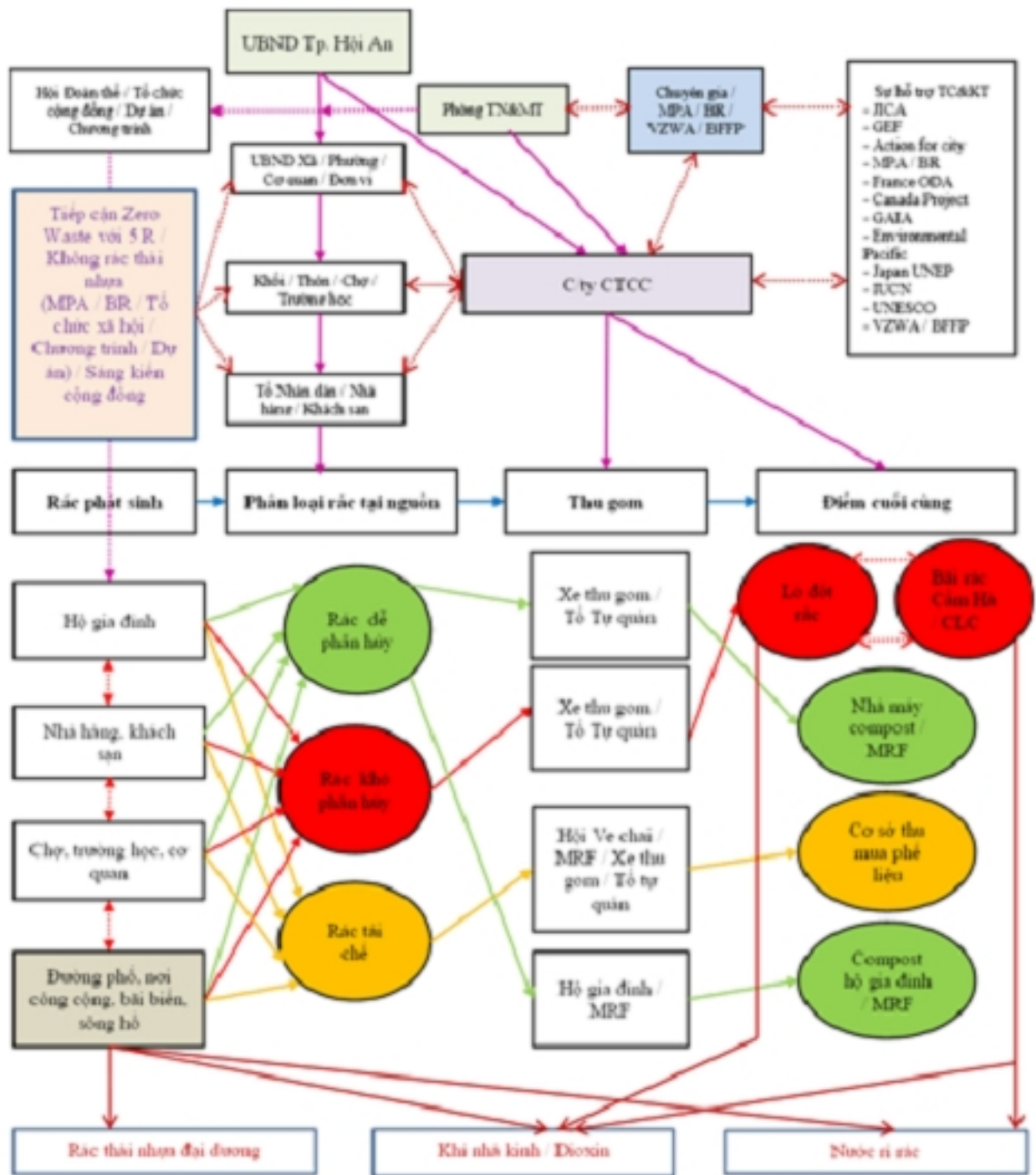


Những giá trị công đồng cộng đồng xã hội sinh thái rừng đa dạng này bao gồm giá trị tài sản cá nhân ví dụ như cây đa dạng, giá trị tài sản nhóm như nhóm đánh bắt thủy sản trong vùng cộng đồng sông, rừng, lùm cây, lùm, nhóm thực công nghệ, các nhóm này hoạt động theo một quy định chung cộng đồng nhóm như duy trì sinh kế cộng đồng mình, hoặc giá trị tài sản công đồng bao gồm giá trị công quan, lịch sử, văn hóa, bãi giồng, bãi đống, đất vùng triu. Những giá trị này được số đồng chung bởi môi trường và thực vật của Nhà nước quản lý. Vì vậy để di chuyển các giá trị công đồng được thực hiện bởi 3 nhóm các bên liên quan bao gồm: BQL du lịch (đi di chuyển tài sản công đồng – Nhà nước quản lý); nhóm người trồng cây đa (đi di chuyển tài sản cá nhân – Sở hữu cá nhân); nhóm đánh bắt cá trong vùng cộng đồng sông (đi di chuyển tài sản nhóm – Sở hữu nhóm). Ba nhóm các bên liên quan này đều có những lợi ích hài hòa và mong muốn lâu bền về rừng đa dạng, ví dụ:

Nhóm BQL Du lịch Công Thanh được thành lập theo quy định của UBND Thành Phố có trách nhiệm phối hợp với các bên liên quan, công đồng thực thi các quy định của Nhà nước trong quản lý hoạt động du lịch rừng đa, và các trách nhiệm khác liên quan. BQL Du lịch Công Thanh phải trách hoạt động thu vé tham quan du lịch trong rừng đa của Công Thanh. Những vướng mắc liên quan đến sức khỏe sinh thái rừng đa của Công Thanh, hay nói đúng hơn liên quan tài sản công đồng trong rừng đa của Công Thanh, BQL Du lịch Công Thanh hoàn toàn đảm bảo năng và trách nhiệm quản lý.








Nhóm người trồng cây đa của Công Thanh về cây đa là tài sản cá nhân thuộc về lợi ích của những người trồng đa này. Người trồng cây đa hiện tại khai thác lá đa hàng năm và theo mùa vụ, phù hợp với hiện vật cây đa được nhóm người này tích lũy và số đồng. Tuy nhiên, nếu một ai trong số người cộng đồng này chặt hết các cây đa mà họ trồng cũng đồng nghĩa là người đó phải rời bỏ khỏi nhóm. Vì vậy, môi trường trong nhóm người trồng đa này đều mong muốn gìn giữ, nuôi dưỡng cây đa được tốt đẹp, để họ sống lâu dài.





Hình 1. Mô hình công cụ 5 R rác thải sinh hoạt tại thành phố Hội An [5]

*Giải thích các kí hiệu trên hình 7*

-  : quan hệ giữa các nhóm nguồn phát sinh rác thải sinh hoạt
-  : quan hệ chỉ đạo
-  : quan hệ hợp tác
-  : con đường đi của rác thải sinh hoạt tại Hội An
-  : rác dễ phân hủy
-  : rác tái chế (rác ve chai)
-  : rác khó phân hủy